

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2023

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Vượng

Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị T, sinh năm 1995. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ C, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Điều D, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Đ - S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2023, nguyên đơn chị Thị T trình bày:

Chị T với anh Đ Dết tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2011, hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh D bỏ nhà đi 3, 4 năm sau mới về. Đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống, anh D không quan tâm vợ con, thích ở nhà thì ở, không thích ở nhà là bỏ đi. Ngoài ra, anh D hay nhậu nhẹt thậm chí còn cầm cố tài sản để ăn nhậu, không chịu lo lắng cho vợ con. Chị T cảm thấy không thể sống cuộc sống như hiện nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Điều D.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung tên Thị Lan A, sinh ngày 10/10/2017. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2023, bị đơn anh Điều D trình bày:

Anh D và chị T tự nguyện về chung sống với nhau từ cách đây khoảng 10 năm, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T nhưng không nhớ rõ là năm 2020 hay năm 2021, không tổ chức đám cưới theo phong tục. Giữa 2 vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng chị T có tình cảm với người khác. Chị T và anh D đã không còn chung sống khoảng 3 tháng nay (tức là khoảng tháng 4/2023). Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh D đồng ý.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung tên Thị Lan A, sinh năm 2017. Khi ly hôn, anh D đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi con chung. Anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng có tài sản chung là 01 chiếc xe máy Yamaha trị giá khoảng 24.000.000đ, anh D yêu cầu được chia đôi giá trị tài sản trên.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không xem xét yêu cầu của chia tài sản của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị T, anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị T và anh D theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên cùng giấy chứng nhận kết hôn, thấy rằng: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2021. Đây là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù lời khai của chị T và anh D không thống nhất về thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn nhưng cả hai đều thừa nhận từ đầu năm 2023 đã không còn chung sống với nhau, không còn sự quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị T yêu cầu ly hôn, anh D đồng ý, đây là sự tự nguyện của các bên, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung tên Thị Lan A, sinh ngày 10/10/2017. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh D đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T khai không có, anh D mặc dù khai tài sản chung có 01 chiếc xe máy, yêu cầu chia đôi giá trị tài sản này nhưng không làm đơn, không đóng tiền tạm ứng án phí nên xác định anh D không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị T và anh Điều D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2021 ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Thị Lan Anh, sinh ngày 10/10/2017 cho chị Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Thị T phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014716 ngày 12/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải

